TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 84/2026/DS-PT Ngày:18 - 6-2026 V/v: *Tranh chấp về chia di sản thừa kế,* *công nhận quyền được hưởng di sản thừa kế"*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Thái Hà

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Trưởng

Ông Ông Trần Văn San

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thu Hường–Thư ký TAND tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện KSND tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Lại Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Nnh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2025/TLPT- DS ngày 15- 10 - 2025 về *"Tranh chấp về chia di sản thừa kế, công nhận quyền được hưởng di sản thừa kế"* - Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025-DS-ST ngày 22- 8 -2025 của TAND Khu vực 5 - Ninh Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2026/QĐ-PT ngày 18 - 3 - 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị C năm: 1955

Địa chỉ: Số nhà A dường T, Tổ F, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình). Có mặt.

Đại diện theo ủy quyên của bà Phạm Thị C là bà Phạm Thị Lê V, sinh năm 1998; địa chỉ: T, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình) - Theo giấy ủy quyền ngày 03/7/2024. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị C: Ông Đinh Tiến H - Luật sư thuộc Công ty L1 Chi nhánh H4. Địa chỉ: Số C, ngõ A đường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình). Có mặt.

Bị đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số nhà A đường T, Tổ F, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.Ông Phạm Văn L, sinh năm 1956; địa chỉ: Số nhà A đường T, tổ F, phường C, thành phô P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình). Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1959. Vắng mặt.

3.Chị Phạm Thu T6, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số nhà B, ngõ C, đường Đ, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội (nay là phường Đ, thành phố Hà Nội).

Đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị P và chị Phạm Thu T6: Bà Phạm Thị Lê V, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ B, phường P, tỉnh Ninh Bình (theo giấy ủy quyền ngày 15/01/2025 và ngày 05/3/2025).

4. Bà Phan Thị T, sinh năm 1944; Vắng mặt.

5.Chị Phạm Thị T1 sinh năm 190. Vắng mặt.

6.Anh Phạm Văn T2, sinh năm 1971. Vắng mặt.

7. Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1974. Vắng mặt.

8.Chị Phạm Thị H1, sinh năm 1976. Vắng mặt.

9. Chị Phạm Thị H2, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số nhà A, ngách G, tổ dân phố số A, phường P, quận B (nay là phường P), thành phô Hà Nội.

Đại diện theo uy quyền của bà T3, chị T5, anh T2, anh Q, chị H1, chị H2: Ông Quán Quang P1, sinh năm 1962; địa chỉ: P + 34 B, phường K, thành phố Hà Nội (theo giấy ủy quyền ngày 03/7/2025). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà B Phan Thị T: Ông Phạm Ngọc T4 và ông Đoàn Viết N1 - Luật sư thuộc Công ty L2, Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: Số A, ngõ A, tổ dân phố H, phường H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Công trình bày:

Bố đẻ của bà là cụ Phạm Văn C1 kết hôn với cụ Nguyễn Thị X, sinh được 01 người con là ông Phạm Văn C2, sinh năm 1943. Sau khi cụ X chết thì cụ C1 kết hôn với mẹ bà là cụ Phạm Thị N2. Bố mẹ bà sinh được 04 người con đẻ gồm

các ông, bà: Phạm Thị C, sinh năm 1955, Phạm Văn L, sinh năm 1956, Phạm Quang A, sinh năm 1959, Phạm Thị N, sinh năm 1964.

Cụ C1, cụ X, cụ N3 không có con nuôi, con riêng hợp pháp nào. Bố mẹ các cụ đều đã chết từ trước đó.

Cụ Phạm Văn C1, sinh năm 1921, chết ngày 10/12/1988; cụ Nguyễn Thị X thì bà không nhớ năm sinh và năm chết; cụ Phạm Thị N2, sinh năm 1918, chết ngày 13/6/1990.

Ông Phạm Văn C2, chết năm 2016; có vợ là bà Phan Thị T và 05 người con gồm: Chị Phạm Thị T5, anh Phạm Văn T2, anh Phạm Văn Q, chị Phạm Thị H3, chị Phạm Thị H2.

Ông Phạm Quang A, chết năm 1993; có vợ là bà Nguyễn Thị P và 01 người con là chị Phạm Thu T6. Khi cụ C1 và cụ N2 chết không để lại di chúc.

Di sản mà cụ C1, cụ N2 để lại, gồm: Thửa đất số 90, tờ bản đồ số 5, diện tích 104,0m? đất ở, tại địa chỉ Tổ A, phường M, thị xã P, tỉnh Hà Nam (nay là tổ F, phường P, tỉnh Ninh Bình), đã được UBND thị xã phụ L3, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 902927, số vào số cấp GCN: 00602QSDĐ/748/QĐ-UB (TX) ngày 10/9/2004 mang tên hộ ông Phạm Văn C1. Tài sản trên đất là 01 căn nhà cấp bốn do các cụ xây dựng từ trước, sau đó đến năm 2018 do nhà bị hư hỏng, dột nát nên bà và bà N đã tu sửa, nâng cấp, sửa chữa để ở. Ngoài ra các cụ không đê lại di sản nào khác.

Hiện nay thửa đất trên do bà và bà N quản lý, sử dụng. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế của bố mẹ bà để lại theo quy định của pháp luật, bà xin được nhận bằng hiện vật để lấy chỗ ở vì kể từ khi cụ C1 và cụ N2 chết đến nay thì nhà đất nêu trên đều do bà và bà N quản lý, sử dụng.

Nguồn gốc thửa đất nêu trên là tài sản của cụ C1 và cụ N2 để lại, trước đây các cụ chỉ có 60m' đất, nhưng trong thời gian sinh sống tại đây thì bà và bà N có vượt lập thêm, lấn về phía sau nhà 44m^2 và sau đó được Nhà nước hợp pháp hóa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Phạm Văn C1 diện tích là 104m^2.

Bà xác định cụ Phạm Văn C1 chết năm 1988, cụ Phạm Thị N2 chết năm 1990, đến nay đã trên 30 năm, nên theo quy định của pháp luật thì đã hết thời hiệu chia thừa kế, bà đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu hưởng quyền dân sự cho bà và bà N là người đang quản lý di sản thừa kế của các cụ để lại tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 5, diện tích 104,0m' đất ở, tại địa chỉ Tổ A, phường M, thị xã P, tỉnh Hà Nam (nay là tổ F, phường P, tỉnh Ninh Bình), đã được UBND thị xã P, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyên sử dụng đât sô X 902927, số vào sổ

cấp GCN: 00602QSDĐ/748/QĐ-UB (TX) ngày 10/9/2004 mang tên hộ ông Phạm Văn C1.

Bị đơn bà Phạm Thị N trình bày: Nhất trí với quan điểm của nguyên đơn đã trình bày về quan hệ huyết thống, những người thuộc hàng thừa kế, thời gian các cụ chết, di sản các cụ đề lại. Bà xác định hiện nay nhà và đất của bố mẹ bà để lại đang do bà C và bà quản lý, sử dụng từ khi các cụ chết đến nay. Nay bà C yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế di sản của bố mẹ bà để lại theo quy định của pháp luật thì bà hoàn toàn nhất trí, bà xin nhận bằng hiện vật đê lây chỗ ở. Bà C đê nghị Tòa án áp dụng thời hiệu đề giải quyết vụ án bà hoàn toàn nhất trí, bà đề nghị Tòa án giao cho bà và bà C được quyền sở hữu, sử dụng đối với di sản của bố mẹ bà để lại là nhà và đất tại thửa đất nêu trên. Bà đề nghị Tòa án giao cho bà và bà C đồng sở hữu thửa đất này, bà và bà N sẽ tự phân chia quyền quán lý, sử dụng di sản.

Đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị P, chị Phạm Thu T6 trình bày:Nhất trí với quan điểm trình bày của bà C, bà N, không có ý kiến bổ sung.

Người có quyên lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị T, chị Phạm Thị H2, chị Phạm Thị T5, anh Phạm Văn T2, anh Phạm Văn Q, chị Phạm Thị H1 đều có quan điểm:

Ông bà nội của các anh chị là cụ Phạm Văn C1 (sinh năm 1921, chết năm 1988) và cụ Phạm Thị X1 (năm sinh không nhớ, chết năm 1943) sinh được 01 người con là bố các anh chị ông Phạm Văn C2 (sinh năm 1943, chêt năm 2016). Sau khi cụ X1 chết, cụ C1 kết hôn với cụ Phạm Thị N2 (sinh năm 1918, chêt năm 1990) và sinh được 04 người con gồm: Bà Phạm Thị C, ông Phạm Văn L, ông Phạm Quang A (đã chết năm 1993), bà Phạm Thị N. Cụ C1, cụ X1, cụ N2 không có con nuôi, con riêng hợp pháp nào. Bô mẹ các cụ đều đã chết từ trước đó.

Ông Phạm Văn C2 kết hôn với bà Phan Thị Thủy S1 được 05 người con gồm: Phạm Thị T5, Phạm Văn T2, Phạm Văn Q, Phạm Thị H3, Phạm Thị H2.

Di sản mà các cụ để lại gồm: Thửa đất số 90, tờ bản đồ số 5, diện tích 104,0m' đất ở, tại địa chỉ: Tổ A, phường M, thị xã P (nay là tổ F phường C, thành phố P) tỉnh Hà Nam, đã được UBND thị xã P (nay là thành phô Phủ Lý), tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyên sử dụng đât sô X 902927, sô vào sô cấp GCN: 00602QSDĐ/748/QĐ-UB (TX) ngày 10/9/2004 mang tên hộ ông Phạm Văn C1; tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà cấp bốn do các cụ xây dựng từ trước, sau đó bà C, bà N đã tu sửa, nâng cấp. Ngoài ra hai các cụ không để lại

di sản nào khác. Khi các cụ chết không ai để lại di chúc gì. Hiện nay thửa đất và tài sản trên thửa đất nêu trên do bà C và bà N đang quản lý, sử dụng.

Quan điểm của các anh chị là đề nghị Tòa án chia thừa kế thửa đất các cụ để lại theo quy định của pháp luật, đê nghị chia đều cho 05 người con, các anh chị được hưởng thừa kê thê vị đôi với phân di sản thừa kê mà bố các chị là ông C2 được hưởng, các anh chị xin được nhận bằng tiền. Đối với tài sản gắn liền với đất là 01 nhà cập bốn do các cụ xây dựng đã bị hư hỏng nên các anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện UBND phường C, thành phố P (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình) cung cập: Cụ Phạm Văn C1, sinh năm 1921, chết năm 1988 kết hôn với cụ Nguyễn Thị X, chết năm 1943, sinh được 01 người con là ông Phạm Văn C2, sinh năm 1943. Sau khi cụ X chết thì cụ C1 kết hôn với cụ Phạm Thị N2, sinh năm 1918, chết năm 1990, sinh được 04 người con gồm: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1955, ông Phạm Văn L, sinh năm 1956, ông Phạm Quang A, sinh năm 1959, bà Phạm Thị N, sinh năm 1964. Cụ C1, cụ X, cụ N2 không có con nuôi, con riêng hợp pháp nào; bố mẹ các cụ đều đã chết từ trước đó.

Ông Phạm Văn C2, chết năm 2016; có vợ là bà Phan Thị T, sinh năm 1944 và 05 người con gồm: Chị Phạm Thị T5, sinh năm 1970, anh Phạm Văn T2, sinh năm 1971, anh Phạm Văn Q, sinh năm 1974, chị Phạm Thị H1, sinh năm 1976, chị Phạm Thị H2, sinh năm 1980; Ông Phạm Quang A, chết năm 1993; có vợ là bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1959 và 01 người con là chị Phạm Thu T6, sinh năm 1991.

Di sản mà các cụ để lại gồm: Thừa đất số 90, tờ bản đồ số 5, diện tích 104,0m' đất ở, tại địa chỉ: Tổ A, phường M, thị xã P (nay là tô F phường C, thành phố P) tỉnh Hà Nam, đã được UBND thị xã P, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 902927, số vào sô cấp GCN: 00602QSDĐ/748/QĐ-UB (TX) ngày 10/9/2004 mang tên hộ ông Phạm Văn C1 và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà cấp bốn. Toàn bộ nhà đất tại thửa đất nêu trên đang do bà C và bà N quản lý, sử dụng từ khi các cụ chết đến nay.

Về nguồn gốc thửa đất: Căn cứ theo hồ sơ địa chính lập năm 1987 thì tại tờ bản đồ số 17 thửa đất do hộ ông Phạm Văn C1 sử dụng diện tích là 109 m^2 đất thổ cư, đến năm 2004 UBND thị xã P (nay là thành phố P) ban hành Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 10/9/2004 về việc phê duyệt phương án cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các chủ sử dụng đất tại phường M, thị xã P trong đó cấp đủ điều kiện 104m' đất ODT cho hộ ông Phạm Vàn Côn . Đối với kêt quả đo đạc của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố P ngày

13/6/2025 thì hiện trạng sử dụng thửa đất là 105 m^2 (thừa so với giấy chứng nhận là 01m^2, đây là sai số trong đo đạc cho phép.

Nay bà C khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/3/2025, Hội đồng định giá đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với thửa đất số 90, tờ bản đồ số 5 mang tên hộ ông Phạm Văn C1 và toàn bộ tài sản trên đất, cụ thể như sau:

- Về đất: Đất thổ cư: 104 m^2 x 35.000.000đ/ m^2 = 3.640.000.000 đồng.

- Về tài sản trên đất gồm:

+ 01 gian nhà cấp bốn, mái lợp ngói đỏ, đòn tạy luồng, cửa gỗ tạp và cửa inox, nên láng xi măng, tường xây gạch xỉ, điện đi nôi, do cụ Côn V1 cụ N2 xây dựng nam 1917, có giá trị là 18.020.500 đông.

+ 01 gian nhà cấp bốn, mái lợp pro xi măng, đòn tay luồng, cửa gỗ tạp, nền lát gạch hoa, tường xây gạch xỉ, do bà C xây dựng năm 1987, có giá trị là 18.020.500 đồng.

+ 01 gian nhà cấp bốn, mái lợp pro xi măng, đòn tay luồng, cửa gỗ tạp, nền lát gạch hoa, tường xây gạch xỉ, do bà N xây dựng năm 2009, có giá trị là 16.602.000 đồng.

+ 01 nhà vệ sinh tường xây gạch xỉ, mái lợp pro xi măng, có giá trị là Về việc chênh lệch diện tích đất: Theo giây chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất số 90 có diện tích là 104m ; theo kết quả đo đạc thực địa ngày 08/4/2025 thì thửa đất có diện tích là 105 m^2; như vậy thừa 01 m^2 .Có sự chênh lệch số liệu này là do sai số trong đo đạc.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyên của nguyên đơn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, xác định thửa đất số 90 tờ bản đồ sô 5, diện tích 104 m^2, địa chỉ hiện nay tại tô F, phường P, tỉnh Ninh Bình là di sản của cụ C1 và cụ N2 để lại; cụ C1 chết năm 1988, cụ N2 chết năm 1990, đến nay đã trên 30 năm, hết thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế, bà C đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được hưởng quyền dân sự, giao cho bà và bà N (là những người đang quản lý sử dụng thưa đất) được sở hữu chung đối với thửa đất nêu trên. Bà không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đối với tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà cấp bốn của các cụ để lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nhất trí với quan điểm của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Do vụ án đã

hết thời hiệu khởi kiện chia dị sản thừa kế, cả nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị áp dụng thời hiệu hưởng quyền dân sự nên đề nghị Tòa án áp dụng Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án, hiện tại cả bà C và bà N đều là người đang quản lý sử dụng thửa đất này nên đề nghị giao cho bà C và bà N tiếp tục quản lý sử dụng.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L, chị T6, bà P: Nhất trí như quan điểm của bà Công trình B1, không bố sung gì thêm, đề nghị giao thửa đất nêu trên cho bà C và bà N quản lý sử dụng.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T, chị T5, anh T2, anh Q, chị H1, chị H2: Xác định thời hiệu chia di sản thừa kế của các cụ đã hết, do đó ông đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 623 Bộ luật Dân sự và Điều 184, điểm e và điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết vụ án dân sự.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H2: Nhất trí quan điểm cua đại diện theo ủy quyên của người có quyên lợi, nghĩa vụ liên quan. Đề nghị Tòa án căn cứ điểm e và điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tô tụng dân sự, đình chỉ giải quyết vụ án vì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của các cụ đã hết.

Từ nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 22- 8 -2025 của TAND Khu vực 5 - Ninh Bình đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 và khoản 14 Điêu 26, các Điều 35, 39, 146, 147, 157, 165, 184, 185, 186, 227, 228, 244, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.Căn cứ Điều 15 Luật hôn nhân gia đình năm 1959; Căn cứ các điều 611, 623, 688 của Bộ luật Dân sự 2015. Căn cứ các Điêu 26, 135, 137, 236 của Luật đất đai năm 2024; Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyêt sô 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Công V2 việc yêu câu áp dụng thời hiệu chia đi sản thừa kẻ, công nhận quyền được hưởng di sản thừa kế.

2. Xác định hàng thừa kế của các cụ Phạm Thị X1, Phạm Văn C1, Phạm Thị N2 gồm: Bà Phạm Thị C; ông Phạm Văn L; bà Phạm Thị N; chị Phạm Thị T5, anh Phạm Văn Q, anh Phạm Văn T2, chị Phạm Thị H1, chị Phạm Thị H2 (thừa kế thế vị của ông Phạm Văn C2); Phạm Thị Thu T6 (thừa kế thế vị của ông Phạm Quang A).

3. Xác định di sản các cụ để lại gồm: Thửa đất số 90, tờ bản đồ số 5, diện tích 104 m^2 đất thổ cư và 01 nhà cấp bốn xây dựng trên thửa đất, tại địa chỉ: Tổ A, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình) đã được Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Văn C1 số X 902927 cấp ngày 10/9/2004. Thời hiệu yêu câu chia di sản thừa kế của cụ X1, C1, cụ N2 đã hết.

4. Giao cho bà Phạm Thị C và bà Phạm Thị N được quyền sở hữu, sử dụng đối với 104m m^2 đất ở, tại thửa đất số 90, tờ bản đồ 5, địa chỉ tại: T, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình) đã được Uy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Văn C1, số X 902927 ngày 10/9/2004.

Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Phạm Thị C và bà Phạm Thị N được sở hữu chung đối với 104m m^2 đất ở tại thửa đất số 90, tờ bản đồ 5, địa chỉ tại: T, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình).

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thâm quyền làm thủ tục đề được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 26/8/2025 ông Quán Quang P1 là người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị T; anh Phạm Văn T2; anh Phạm Văn Q, Phạm Thị H1;chị Phạm Thị H2 chị Phạm Thị T5 có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án dân sự số 09/2025/DS-ST ngày 22/08/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

Lý do của việc kháng cáo: Đã hết thời hiệu chia thừa kế; nguyên đơn Phạm Thị C và bị đơn Phạm Thị N không phải là người quản lý di sản; quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn không bị xâm phạm; không có sự việc tranh chấp chia thừa kế giữa nguyên đơn, bị đơn và người có quyên lợi, nghĩa vụ liên quan; di sản thừa kế là tài sản chung chưa chia của các thừa kế; Toà án đã không chấp nhận đề nghị Đình chỉ giải quyết vụ án theo đề nghị của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan .

Bản án sơ thẩm đã tuyên vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự trong cả quá trình giải quyêt vụ án, từ khi thụ lý giải quyêt vụ án đến quyết định

đưa vụ án ra xét xử và tuyên án. Hậu quả giải quyết vụ án mà Hội đồng xét xử đã tuyện án xâm phạm nghiêm trọng đến quyền được hưởng tài sản chung từ di sản thừa kế đối với người có quyền lợi nghiã vụ liên quan (là những người thừa kế thế vị).

Yêu cầu cầu Tòa án cấp phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình áp dụng Khoản 4 Điều 308 Luật Tố tụng dân sự năm 2015 hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 17 tháng 09 năm 2025. Quán Q1 có đơn xin rút kháng cáo một phần với nội dung:

1- Bà Phan Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm kháng cáo toàn bộ bản án dân sự số 09/DS-ST ngày 22/08/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

2 - Các anh Phạm Văn T2; anh Phạm Văn Q; chị Phạm Thị H1; chị Phạm Thị H2;chị Phạm Thị T5 cùng xin rút kháng cáo. Lý do: Không có đủ tiền đóng án phí và lệ phí phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người đại diện của người có quyền, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo trình bày:

Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định vụ án có tranh chấp là không có căn cứ; Yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn là yêu cầu giải quyết việc dân sự; Nguyên đơn bị đơn tạo ra tranh chấp để xâm phạm quyền của những người có quyền, nghĩa vụ liên quan; Di sản của cụ C1 để lại là tài sản chung chưa chia; Các bên đương sự đều có đề nghị áp dụng thời hiệu; Đề nghị HĐXX phúc thẩm áp dụng khoản 4 Điều 308 Luật Tố tụng dân sự năm 2015 hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

- Người bảo vệ quyền lợi, người đại diện của nguyên đơn trình bày và tranh luận về yêu cầu kháng cáo như sau:

Cụ Phạm Văn C1, sinh năm 1921, chết ngày 10/12/1988; cụ Nguyễn Thị X chết năm 1943; cụ Phạm Thị N2, sinh năm 1918, chết ngày 13/6/1990. Khi cụ X, cụ C1 và cụ N2 chết đều không để lại di chúc. Những người thuộc hàng thừa kế của các cụ không ai có ý kiến về di sản thừa kế cũng như có văn bản thỏa thuận là tài sản chưa chia. Căn cứ khoản 1 Điều 623 BLDs và khoản 4 Điều 36

Pháp lệnh thừa kế thì đã hết thời hiệu chia thưa kế; Bà C và bà N là người đang trực tiếp quả lý di sản có xảy ra tranh chấp. Do đó không nhất trí với kháng cáo đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 22- 8 -2025 của TAND Khu vực 5 - Ninh Bình.

+ Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của BLTTDS, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung kháng cáo: Lý do kháng cáo của người đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nêu ra không có căn cứ pháp lý. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Giữ nguyên Bản bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 22- 8 -2025 của TAND Khu vực 5 - Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà;căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của ông Quán Quang P1 là người đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị T làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Quán Quang P1:

2.1.Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của BLTTDS, không có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bảo đảm được quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự trong vụ án.

2.2. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Phạm Thị C khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của cụ Phạm Văn C1 và cụ Phạm Thị N2 để lại; Sau đó đề nghị áp dụng quy định về thời hiệu để công nhận quyền hưởng di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại tổ F, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình). Bị đơn bà Phạm Thị N có địa chỉ tại: tổ F, phường M, thành phố P (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình). Căn cứ vào khoán 5 và khoản 14 Điêu 26; điêm a khoản 1 Điều 35; khoản1 Điêu 39 Bộ luật Tô tụng dân sự thì đây là "Tranh chấp về chia di sản thừa kế, công nhận quyên được hưởng di sản thừa kể". Mặt khác, trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, bà Phan Thị T, chị Phạm Thị H2, chị Phạm Thị T5, anh Phạm Văn T2, anh Phạm

Văn Q, chị Phạm Thị H1 đều có quan điểm: Đề nghị Tòa án chia thừa kế thửa đất các cụ để lại theo quy định của pháp luật, đề nghị chia đều cho 05 người con của ông C2 được hưởng thừa kê thế vị đối với phần di sản thừa kế mà bố các anh, chị được hưởng, các anh chị xin được nhận bằng tiền. Do đó, việc Tòà án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình giải quyết vụ án tranh chấp dân sự theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

2.3. Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm: Ông Quán Quang P1 có đề nghị triệu tập Chủ tịch Uy ban nhân dân phường P, tỉnh Ninh Bình tham dự phiên tòa P thấm vụ án với tư cách là Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án với lý do: Ngày 10/09/2004, UBND thị xã P, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X902927 vào sổ cấp GCN QSDĐ số 00602QSDĐ/748/QĐ-UB(TX), thửa đất số 90, tờ bản đồ 5, diện tích (m^2) 104,0, cho hộ ông Phạm Văn C1. Trong khi cụ Phạm Văn C1 không còn là chủ hộ vì đã qua đời từ năm 1988, cụ Phạm Thị N2 là vợ cụ C1 qua đời năm 1990. Tính đến thời điểm UBND thị xã P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình cụ Phạm Văn C1 thì cụ C1 đã qua đời 16 năm, cụ N2 qua đời 14 năm. Việc UBND thị xã P chứng nhận cho người đã chết đã vi phạm quy định của pháp luật về dân sự, đất đai, hộ tịch, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thừa kế. Sự việc cần được giải trình tại phiên tòa.

Về yêu cầu này HĐXX thấy: Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đối với diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X902927 cấp ngày 10/9/2004 cho hộ ông Phạm Văn C1 đã được UBND phường C, thành phố P (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình) cung cấp. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp cho hộ ông Phạm Văn C1. Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, các bên không có yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Mặt khác, các đương sự đều nhất trí thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế đã hết và đề nghị áp dụng thời hiệu hưởng quyền dân sự, người kháng cáo có yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án. Do đó HĐXX thấy không có căn cứ triệu tập Chủ tịch UBND phường P, tỉnh Ninh Bình tham dự phiên tòa phúc thẩm vụ án với tư cách là người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tại phiên tòa, ông P1 cũng không có ý kiến gì về việc triệu tập Chủ tịch UBND phường P, tỉnh Ninh Bình.

[3] Về di sản thừa kế: Theo biên bản làm việc ngày 22/5/2025 giữa Tòa án cấp sơ thẩm và UBND phường C, theo lời trình bày thống nhất của các đương sự tại biên bản hòa giải ngày 06/6/2025 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì di sản thừa kế của cụ X, cụ C1 và cụ N2 để lại gồm: Thửa đất số 90. tờ bản đồ số 5. diện tích 104m^2 đất thổ cư (trị giá 3.640.000.000 đồng), tại địa chỉ:

Tổ A, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình); 01 nhà cấp 4 trên thửa đất trị giá 18.020.500 đồng; đã được Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Hà Nam (cú) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Văn C1 số X 902927 cấp ngày 10/9/2004. Kể từ khi các cụ chết đến nay thì thửa đất và tài sản trên đất đều do bà C và bà N quản lý, sử dụng.

[4] Về thời hiệu và yêu cầu được hưởng di sản:

- Về thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế: Cụ Nguyễn Thị X chết năm 1943, cụ Phạm Văn C1 chết ngày 10/12/1988, cụ Phạm Thị N2 chết ngày 13/6/1990 đều không để lại di chúc. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu yêu cầu chia thừa kế với bất động sản là 30 năm kể từ thời điểm mở thừa kế. Khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 quy định "... đối với các việc đã mở thừa kê trước ngày ban hành pháp lệnh nay thì thời hạn quy định tại khoản 1, khoản 2 điều này được tính từ ngày công bố Pháp lệnh này".

Như vậy thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản đổi với bất động sản là 30 năm tính từ ngày 10/9/1990; đến thời điểm bà C khởi kiện (năm 2024) đã trên 30 năm, do vậy thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế đã hết.

- Về yêu cầu khởi kiện: Tại đơn khởi kiện, bà Phạm Thị C yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của các cụ để lại theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 06/6/2025, tại đơn đề nghị ngày 09/6/2025 và tại phiên tòa bà C đã thay đổi yêu cầu, xác định thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ các đã hết, đề nghị được hưởng quyền dân sự, hưởng di sản thừa kế của các cụ để lại, giao cho bà và bà N quản lý sử dụng toàn bộ thửa đất này.

-Về yêu cầu được hưởng di sản thừa kế: Bà Phạm Thị C và bà Phạm Thị N đều có yêu cầu áp dụng thời hiệu, được hưởng toàn bộ thửa đất là di sản của các cụ để lại nêu trên do là người thừa kế đang quản lý di sản thừa kế. HĐXX thấy rằng: Việc bà C và bà N quản lý toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất từ sau khi cụ C1, cụ N2 chết đến nay là thực tế khách quan được chính quyền phường C xác nhận, các đương sự cũng đều thừa nhận. Như đã nêu ở trên, do thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ X, cụ C1 và cụ N2 đã hết, khi chết các cụ không ai để lại di chúc nên di sản của các cụ là thửa đất số 90, tờ bản đồ 5, sẽ thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản là bà Phạm Thị C và bà Phạm Thị N theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự 2015. Quá trình giải quyết vụ án, bà C và bà N thống nhất đề nghị Tòa án giao cho cả hai bà quyền quản lý chung đối với thửa đất nêu trên.

Xét thấy, cả bà C và bà N đều đang quản lý thửa đất này, nguyện vọng của các bà phù hợp với thực tề và không trái quy định của pháp luật, nên cần ghi nhận sự thống nhất thỏa thuận của bà C và bà N như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Đối với yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị T, chị Phạm Thị T5, anh Phạm Văn T2, anh Phạm Văn Q, chị Phạm Thị H1, chị Phạm Thị H2 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị T đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 623 Bộ luật Dân sự, khoản 4 Điều 308 Luật Tố tụng dân sự năm 2015 hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án:

Xét thấy: Tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự quy định: "Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Hết thời hạn này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý dị sản đó...". Như vậy, bà C và bà N đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện, đồng thời đề nghị được hưởng quyền dân sự do hết thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ C1 và cụ N2, do bà C và bà N là người thừa kế đang quản lý sử dụng thửa đất này. Việc bà C và bà N đề nghị chia di sản thừa kê, đề nghị áp dụng thời hiệu là căn cứ để xem xét việc chấp nhận hay không chấp nhận quyên được hưởng di sản của bà C và bà N và là nội dung cần xem xét giải quyệt vụ án được triệt để. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu câu đình chi giải quyet vụ án của đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ là có căn cứ. Cần giao cho bà C và bà N quản lý sử dụng di sản là thửa đất nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ lien quan không có căn cứ pháp lý nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị T là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH: ,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị T - Người đại diện là ông Quán Quang P1.

2. Giữ nguyên Bản bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 22 - 8 -2025 của TAND Khu vực 5 tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ khoản 5 và khoản 14 Điêu 26, các Điều 35, 39, 146, 147, 157, 165, 184, 185, 186, 227, 228, 244, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.Căn cứ Điều 15 Luật hôn nhân gia đình năm 1959; Căn cứ các điều 611, 623, 688 của Bộ luật Dân sự 2015. Căn cứ các Điêu 26, 135, 137, 236 của Luật đất đai năm 2024;

2.1.Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Công V2 việc yêu cầu áp dụng thời hiệu chia đi sản thừa kẻ, công nhận quyền được hưởng di sản thừa kế.

2.2. Xác định hàng thừa kế của các cụ Phạm Thị X1, Phạm Văn C1, Phạm Thị N2 gồm: Bà Phạm Thị C, ông Phạm Văn L; bà Phạm Thị N; chị Phạm Thị T5, anh Phạm Văn Q, anh Phạm Văn T2, chị Phạm Thị H1, chị Phạm Thị H2 (thừa kế thế vị của ông Phạm Văn C2); Phạm Thị Thu T6 (thừa kế thế vị của ông Phạm Quang A).

2.3. Xác định di sản các cụ để lại gồm: Thửa đất số 90, tờ bản đồ số 5, diện tích 104 m^2 đất thổ cư và 01 nhà cấp bốn xây dựng trên thửa đất, tại địa chỉ: Tổ A, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình) đã được Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Văn C1 số X 902927 cấp ngày 10/9/2004. Thời hiệu yêu câu chia di sản thừa kế của cụ X1, C1, cụ N2 đã hết.

2.4.Giao cho bà Phạm Thị C và bà Phạm Thị N được quyền sở hữu, sử dụng đối với 104m m^2 đất ở, tại thửa đất số 90, tờ bản đồ 5, địa chỉ tại: T, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình) đã được Uy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Văn C1, số X 902927 ngày 10/9/2004.

Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Phạm Thị C và bà Phạm Thị N được sở hữu chung đối với 104 m^2 đất ở tại thửa đất số 90, tờ bản đồ 5, địa chỉ tại: T, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường P, tỉnh Ninh Bình).

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thâm quyền làm thủ tục đề được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.5. Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Phan Thị T.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Chu Thái Hà

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- TAND Khu vực 5 - Ninh Bình;
- Phòng THADS Khu vực 5 tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HS, tòa DS.